

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 23-02-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
và chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quang Ninh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nhân

Bà Lê Hồng Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thúy Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:**  
Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/HNGĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2021/HNGĐ - ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước. *(Có mặt)*

**Bị đơn:** Bà Hồ Thị Thu Th, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu phố Sơn Long, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước. *(Có mặt)*

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N - Luật sư, thuộc Văn Phòng luật sư Thành Vinh, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước, địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T.B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. *(Có mặt)*

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước; *(Có đơn đề nghị vắng mặt)*

- Ông Hồ Đình S, sinh năm 1940, địa chỉ: Khu phố Sơn Long, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước; *(Vắng mặt)*

**Người có kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L và bị đơn bà Hồ Thị Thu Th.

Ngoài ra trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Ng nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Toà án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày như sau:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Năm 2011, ông Nguyễn Thanh L và bà Hồ Thị Thu Th (sau đây gọi là ông L, bà Th) kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M (nay là huyện Ph), tỉnh Bình Phước ngày 27/6/2011. Ông L với bà Th sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 05 năm và sinh được hai người con chung, một con trai và một con gái. Đến năm 2016 thì ông L với bà Th bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không thống nhất được với nhau, mỗi người một ý, dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên, không khí gia đình căng thẳng mệt mỏi. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được và đến cuối năm 2016 ông L với bà Th đã sống ly thân đến nay. Việc ai nấy làm không hỏi han, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, nên ông L không muốn kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L được ly hôn với bà Th.

*Về con chung:* Ông L và bà Th có 02 người con chung tên: Nguyễn Hồ Thanh P, sinh năm 2014, sống cùng ông L từ cuối năm 2016 đến nay tại địa chỉ: Thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước và Nguyễn Hồ Thanh T, sinh năm 2015 sống cùng với bà Th từ cuối năm 2016 đến nay tại địa chỉ: khu phố Sơn Long, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Nay ly hôn, ông L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hồ Thanh P cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, giao con chung Nguyễn Hồ Thanh T cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Do bà Th có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất 126, tờ bản đồ 15, diện tích 338,5m<sup>2</sup> tọa lạc thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật chia tài sản chung là thửa đất 105, tờ bản đồ 20, diện tích 488,2m<sup>2</sup> và

tài sản trên đất tọa lạc tại khu phố Bình Giang 2, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước theo quy định pháp luật.

*Bị đơn bà Hồ Thị Thu Th và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th, Luật sư Trần Thị N thống nhất trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Th và ông L kết hôn năm 2011, cùng chung sống tại nhà ông S ở P, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014, bà Th sinh con đầu là Nguyễn Hồ Thanh P, mẹ ruột ông L vào phụ chăm cháu nội thì nảy sinh mâu thuẫn giữa mẹ chồng, nàng dâu. Từ khi cháu P được 06 tháng, bà Th và ông L chung sống gần nhà mẹ chồng ở xã B. Ngày 26/11/2016, ông L nói bà Th về nhà ngoại ở, ông L dọn hết đồ bà Th và chở bà Th về lại nhà ngoại ở P, ông L nói sẽ cho bà Th nuôi 02 người con nhưng đến khi về tới nhà ngoại, ông L và mẹ ông L giữ lại cháu P đem về xã B nuôi. Bà Th đã rất cố gắng để níu kéo cuộc sống hôn nhân, mong gia đình đoàn tụ để 02 vợ chồng cùng chăm sóc con cái nhưng ông L nhất quyết cự tuyệt, khi bà Th có xây nhà riêng ở P, bà Th cũng nói ông L đưa con trai lên cùng sống chung để 02 con được ba mẹ chăm sóc nhưng ông L không đồng ý. Đến nay bà Th nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà Th và ông L không thể tiếp tục, không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với ông L.

*Về con chung:* Ông L và bà Th có 02 con chung là Nguyễn Hồ Thanh P, sinh năm 2014 và Nguyễn Hồ Thanh T, sinh năm 2015. Bà Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Bà Th cho rằng trong thời kỳ chung sống, ngày 18/6/2014, bà Th và ông L có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc Ch và bà Nguyễn Thị Hương Nh thừa đất 126, tờ bản đồ 15, diện tích 338,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước. Bà Th để ông L đứng ra lo thủ tục giấy tờ pháp lý của thửa đất và để ông L đứng tên cá nhân ông L trên GCNQSDĐ vì nghĩ rằng đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, được mua bằng tiền chung của bà Th và ông L nên vẫn là tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th được biết ông L đã ký hợp đồng tặng cho QSDĐ đối với thửa đất trên cho em trai là Nguyễn Văn D. Bà Th và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Th đề nghị Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/3/2016 tại phòng công chứng số 3 tỉnh Bình Phước giữa ông Nguyễn Thanh L và ông Nguyễn Văn D vì bà Th cho rằng đây là hành vi tẩu tán tài sản chung của vợ chồng. Đồng thời, đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung là thửa đất trên.

Đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ 20, diện tích 488,2 m<sup>2</sup> và tài sản trên đất tọa lạc tại khu phố Bình Giang 2, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Đây là tài sản riêng của bà Th, được ông Hồ Đình S là cha ruột bà Th tặng cho riêng

bà Th theo Hợp đồng tặng cho QSDĐ ngày 10/11/2017 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Phước. Vì vậy, bà Th không đồng ý với yêu cầu của ông L về việc chia đôi tài sản trên.

*Về nợ chung:* Không có.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông D hiện là chủ sở hữu quyền sử dụng đất diện tích 338,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 126, tờ bản đồ 15 tọa lạc tại thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước, đã được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 739353, số vào sổ cấp GCN: 00086/TC do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/3/2016, đăng ký biến động ngày 27/02/2020, đứng tên ông Nguyễn Văn D.

Theo ông D, do cần tiền làm ăn nên đầu năm 2016, vợ chồng ông L và bà Th đã chuyển nhượng cho ông D thửa đất với giá 150.000.000 đồng. Bà Th và ông L đã nhận đủ tiền chuyển nhượng và giao đất cho ông D quản lý, sử dụng từ năm 2016 đến nay, vì vậy tài sản này đã không còn là tài sản chung của ông L và bà Th nữa. Ông D đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà Th và đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ông Hồ Đình S trình bày: Thửa đất số 105, tờ bản đồ 20, diện tích 488,2 m<sup>2</sup> và tài sản trên đất tọa lạc tại khu phố Bình Giang 2, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Đây là tài sản của ông Hồ Đình S là cha ruột bà Th tặng cho riêng bà Th theo Hợp đồng tặng cho QSDĐ ngày 10/11/2017 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Phước. Vì vậy, ông S đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản này và đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bà Lê Thị Ng – Công chứng viên Văn phòng Công chứng Đ, tỉnh Bình Phước trình bày: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 00000628, ngày 04/3/2016 tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Bình Phước về việc ông Nguyễn Thanh L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D diện tích 338,5m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 126, tờ bản đồ 15 tọa lạc tại thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước. Tại thời điểm công chứng, bà Lê Thị Nga là Công chứng viên và là người phụ trách trực tiếp Phòng Công chứng số 3 tỉnh Bình Phước thuộc Sở Tư pháp. Hiện nay phòng công chứng này không còn hoạt động, mọi vấn đề liên quan đến hồ sơ công chứng viên đã ký thì công chứng viên tự chịu trách nhiệm cá nhân.

Đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 00000628, ngày 04/3/2016 tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Bình Phước, tại thời điểm công chứng ông Nguyễn Thanh L bên chuyển nhượng và ông Nguyễn Văn D bên nhận chuyển nhượng không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy,

Phòng Công chứng số 3 ký xác nhận hợp đồng theo quy định của pháp luật. Nay bà Ng đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 00000628, ngày 04/3/2016 của Phòng công chứng số 3 tỉnh Bình Phước.

*Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; 55; 57; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh L và bà Hồ Thị Thu Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồ Thanh P, sinh ngày 02/01/2014 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung Nguyễn Hồ Thanh T, sinh ngày 12/11/2015 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông L và bà Th không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị Thu Th về chia tài sản chung khi ly hôn.

- Giao cho bà Hồ Thị Thu Th được quyền sử dụng, sở hữu thửa đất số 105, tờ bản đồ 20, diện tích 488,2 m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu phố Bình Giang 2, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước (GCNQSDĐ số CK 752516, số vào sổ cấp: CS 02409/TA do Sở TN&MT tỉnh Bình Phước cấp cho bà Hồ Thị Thu Th ngày 27/11/2017) và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp IV có diện tích 135m<sup>2</sup>, công sắt có diện tích 6m<sup>2</sup>, trụ cổng 02m, tường rào xây 14m<sup>2</sup> và tường rào lưới B40 97.6m<sup>2</sup>, 01 toilet và 01 nhà tắm diện tích 06m<sup>2</sup>, 01 bồn nước 500 lít.

- Bà Th có nghĩa vụ trả cho ông L giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là 75.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn D được quản lý, sử dụng thửa đất 126, tờ bản đồ 15, diện tích 338,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước (hiện thửa đất được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 739353, sổ vào sổ cấp GCN: 00086/TC do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/3/2016, đăng ký biến động ngày 27/02/2020, đứng tên ông Nguyễn Văn D).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/9/2021, bị đơn bà Hồ Thị Thu Th có đơn kháng cáo đề nghị huỷ toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, lý do: về con chung: yêu cầu giao cả 02 người con chung cho bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; về thửa đất số 105 tại khu phố Bình Giang 2, phường S, thị xã P là tài sản riêng của bà Th nên không đồng ý chia cho ông L ½ giá trị tài sản; về thửa đất số 126 tại thôn T.H 2, xã B, huyện Ph là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Th và ông L, việc ký hợp đồng tặng cho giữa ông L với ông D không có sự đồng ý của bà Th, do vậy Toà án sơ thẩm vừa công nhận đây tài sản chung vợ chồng vừa công nhận hợp đồng tặng cho là vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng.

Ngày 30/9/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc định giá tài sản tranh chấp là Thửa đất số 105 tại khu phố Bình Giang 2, phường S, thị xã P và Thửa đất số 126 tại thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L tự nguyện rút toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo; bị đơn bà Hồ Thị Thanh Th thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị huỷ một phần bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thị xã P về phần con chung và tài sản chung; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau vấn đề nào về việc giải quyết vụ án.

- *Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay, xét thấy Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS)

Về nội dung: Xét thấy Bản án sơ thẩm số: 30/2021/HNGĐ-ST ngày 16/9/2021 của Toà án nhân dân thị xã P có một số thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L, bà Hồ Thị Thu Th huỷ một phần Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thị xã P để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm về phần tài sản chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L, bị đơn bà Hồ Thị Thu Th được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo về đề nghị định giá lại các tài sản tranh chấp trong vụ án. Xét đây là sự tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không bị ép buộc, lừa dối, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ các điều 284, 293 và 298 của BLTTDS, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Th đề nghị huỷ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1]. Về con chung: Quá trình chung sống, giữa ông L với bà Th có 02 người con chung là cháu Nguyễn Hồ Thanh P, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Nguyễn Hồ Thanh T, sinh ngày 12/11/2015. Căn cứ về điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, điều kiện về kinh tế của ông L, bà Th và điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất lẫn tinh thần cho các con chung, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử: giao con chung tên Nguyễn Hồ Thanh P, sinh ngày 02/01/2014 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung Nguyễn Hồ Thanh T, sinh ngày 12/11/2015 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp.

Bà Th trình bày Tòa án cấp sơ thẩm có sự vi phạm trong việc lấy lời khai của cháu Nguyễn Hồ Thanh P, không được công khai công bằng, tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục vấn đề này thông qua buổi trực tiếp làm việc lấy ý kiến của cháu P (độ tuổi 08 tuổi 24 ngày) với sự giám hộ của ông Nguyễn Thanh L (bà Th vắng mặt không tham gia buổi làm việc) vào ngày 26/01/2022, theo đó cháu P trình bày ý kiến có nguyện vọng được sống cùng với bố và ông bà nội nên cần xem xét ý kiến của cháu P. Giao cháu P cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu T cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, không làm xáo trộn cuộc sống ổn định của các cháu hiện tại, phù hợp với P tục tập quán của Việt Nam và đã xem xét hết các điều kiện phát triển tốt nhất cả về tinh thần lẫn vật chất cho cả cháu P và cháu T.

Do đó, kháng cáo của bà Th đề nghị huỷ bản án sơ thẩm về phần con chung là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[3.2] Về tài sản chung:*

*[3.2.1] Đối với thủ tục tố tụng: Tòa cấp sơ thẩm có sự thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự, cụ thể như sau:*

Ngày 20/5/2020, ông Nguyễn Thanh L nộp cho Toà án Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Ngày 10/6/2020, Toà án nhân dân thị xã P ban hành Thông báo thụ lý vụ án số 139/2020/TB-TLVA đối với các yêu cầu khởi kiện này.

Đến ngày 01/4/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L tiếp tục có Đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện, theo đó yêu cầu chia tài sản chung là Thửa đất số 105, tờ bản đồ 20, diện tích 488,2 m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu phố Bình Giang 2, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước, giá trị tài sản tự khai là khoảng 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Ngày 14/9/2021 Toà án sơ thẩm ban hành Thông báo số 193/TB-TA về việc thông báo nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng là không đúng với giá trị tài sản mà nguyên đơn yêu cầu theo quy định về “Mức tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án” tại Điều 7 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Mặt khác sau khi thụ lý yêu cầu bổ sung, Toà cấp sơ thẩm đã không ban hành Thông báo thụ lý đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đối với yêu cầu bổ sung nội dung mới này của nguyên đơn nhằm thông báo cho bị đơn bà Hồ Thị Thu Th và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn để biết và nêu ý kiến là có sự thiếu sót, vi phạm về thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Th ngày 19/8/2020 về thửa đất số 126, tờ bản đồ 15, diện tích 338,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước, ngày 17/9/2020 Toà án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 215/TB-TA và bà Th đã nộp cho Toà án Biên lai nộp tạm ứng án phí, tuy nhiên đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Toà án cấp sơ thẩm cũng không ban hành Thông báo về việc thụ lý đối với yêu cầu phản tố nhằm thông báo cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được biết là có thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ông Nguyễn Thanh L ngày 15/9/2020 9 (bút lục số 65), ông L có yêu cầu Toà án giải quyết nội dung: “Truy xét đối với số tiền trong sổ tiết kiệm tên Hồ Thị Thu Th tại Ngân hàng



Sacombank – Phòng giao dịch Phước Bình từ thời điểm tháng 6/2011 đến cuối năm 2016. Quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm, nguyên đơn ông L đã rút yêu cầu khởi kiện về phần này tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/6/2021 nhưng Toà án cấp sơ thẩm không lấy ý kiến của bị đơn về vấn đề này cũng như không ghi nhận sự việc khởi kiện và rút yêu cầu của nguyên đơn tại Bản án sơ thẩm về phần này là có sự thiếu sót.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D: Quá trình giải quyết vụ án, Toà cấp sơ thẩm không Thông báo cho ông D biết và lấy ý kiến có yêu cầu độc lập hay không đối với thửa đất 126, tờ bản đồ 15, diện tích 338,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước (hiện thửa đất được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 739353, số vào sổ cấp GCN: 00086/TC do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/3/2016, đăng ký biến động ngày 27/02/2020, đứng tên ông Nguyễn Văn D; và ông D cũng không có yêu cầu độc lập đối với tài sản trên nhưng Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết giao cho ông D được quản lý, sử dụng Thửa đất 126, tờ bản đồ 15, diện tích 338,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước là vượt quá yêu cầu của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2.2] *Đối với nguồn gốc tài sản tranh chấp*: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đối với nguồn gốc của cả hai tài sản tranh chấp đều có sự mâu thuẫn trong lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng chưa được Toà cấp sơ thẩm lấy lời khai, đối chất lời khai làm rõ, cụ thể:

Về Thửa đất số 105, tờ bản đồ 20, diện tích 488,2 m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu phố Bình Giang 2, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước, tại Bản tự khai ngày 26/8/2021 của ông Hồ Đình S trình bày: “... Phần đất này, tôi là người trực tiếp đứng ra nhận chuyển nhượng của ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Hải V nhưng nhờ con tôi (Th) đứng tên giữ nhưng toàn bộ tiền là do tôi bỏ tiền ra mua. Sau đó, tôi mới yêu cầu con tôi trả lại phần đất trên cho tôi nên con tôi là Hồ Thị Thu Th đồng ý hoàn trả lại cho tôi theo hợp đồng tặng cho. ...”. Quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm, Toà án sơ thẩm đã không triệu tập ông Hồ Đình S và ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Hải V để lấy lời khai làm rõ vấn đề này hoặc nếu cần thiết đối chất làm rõ quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất lần đầu giữa ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Hải V với bà Hồ Thị Thu Th nhằm làm rõ nguồn gốc số tiền chuyển nhượng thửa đất trên của ai, ai là người trực tiếp giao dịch chuyển nhượng.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2016, từ thời điểm ly thân cho đến khi khởi kiện ly hôn giữa ông L bà Th không bàn bạc, thỏa thuận gì về cuộc sống chung, không cùng nhau gánh vác kinh tế gia đình. Ông L cho rằng trong thời gian còn chung

sống, vợ chồng có số tiền tiết kiệm khoảng 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng) do bà Th giữ và ông L là người chở bà Th đến Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Phước Bình để lập sổ tiết kiệm nên trong sổ tiền mua thửa đất này có phần đóng góp của vợ chồng và tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung; còn bà Th trình bày không có sổ tiền và sổ tiết kiệm nào trong thời kỳ vợ chồng chung sống, toàn bộ số tiền mua đất là của ông Hồ Đình S, ông L không có đóng góp gì trong thửa đất này. Vấn đề này chưa được xác minh làm rõ, ảnh hưởng đến quyền lợi ích của đương sự nên có thiếu sót, chưa thu thập đầy đủ, chưa xem xét đánh giá toàn diện tài liệu, chứng cứ.

Về thửa đất 126, tờ bản đồ 15, diện tích 338,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T.H 2, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước (hiện thửa đất được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 739353, số vào sổ cấp GCN: 00086/TC do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/3/2016, đăng ký biến động ngày 27/02/2020, đứng tên ông Nguyễn Văn D): Nguyên đơn ông L có sự mâu thuẫn trong lời khai về nguồn gốc đất, lúc thì cho rằng tiền mua đất là của bên nhà bố mẹ ông L đưa để mua, lúc thì cho rằng tiền của ông D ông L chỉ là đứng tên giùm, lúc thì khẳng định giữa ông L ông D ký hợp đồng tặng cho nhưng trên thực tế là chuyển nhượng với số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng) và việc chuyển nhượng bà Th không biết. Cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất giữa ông L, ông D và bà Th về vấn đề này nhằm làm rõ có đúng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân hay không là có sự thiếu sót.

Do đó, kháng cáo của bà Th về việc yêu cầu huỷ một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét từ những phân tích nêu trên, Tòa cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do đó cần huỷ một phần Bản án sơ thẩm về phần tài sản, giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và con chung. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án sơ thẩm để giải quyết lại là phù hợp.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Nguyễn Thanh L phải chịu theo quy định của pháp luật; Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm có giá ngạch và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

[7] Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L, bị đơn bà Hồ Thị Thanh Th được chấp nhận một phần nên ông L, bà Th không phải chịu.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các điều 284, 293 và 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L về đề nghị định giá lại các tài sản tranh chấp trong vụ án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận phần kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Thu Th về con chung. Giữ nguyên một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước về tranh chấp nuôi con chung.

Giao con chung Nguyễn Hồ Thanh P, sinh ngày 02/01/2014 cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung Nguyễn Hồ Thanh T, sinh ngày 12/11/2015 cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông L và bà Th không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Thu Th về tranh chấp tài sản. Hủy một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước về phần tài sản; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

4.1. *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch:* Ông Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006840 ngày 10/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P.

4.2. *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm có giá ngạch và chi phí tố tụng:* Sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

4.3. *Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:* Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L và bị đơn bà Hồ Thị Thanh Th không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước hoàn lại cho: ông L số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008006 ngày 06/10/2021; bà Th số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008002 ngày 04/10/2021.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, P. KTNV, T.GĐ&NCTN;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Quang Ninh**